

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KHÔNG HOÀN THÀNH MỤC TIÊU GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

Đvt: triệu đồng

<i>STT</i>	<i>Tên cơ quan chủ quản, chủ đầu tư</i>	<i>Kế hoạch 2024 đã giao</i>	<i>Kế hoạch giải ngân cả năm 2024 (theo cam kết các đơn vị)</i>	<i>Lũy kế giải ngân đến hết ngày 31/01/2025</i>		
				<i>Tổng vốn đã giải ngân</i>	<i>Tỷ lệ so với cam kết giải ngân</i>	<i>Tỷ lệ so với kế hoạch vốn thực giao</i>
	<i>KHỐI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CHUYÊN NGÀNH</i>					
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	5.154.257	8.436.869	1.801.929	21,4%	35,0%
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	14.644.846	12.436.191	6.876.096	55,3%	47,0%
3	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh	1.370.660	1.370.400	519.605	37,9%	37,9%
4	Ban quản lý đường sắt đô thị	4.824.170	4.950.170	2.521.867	50,9%	52,3%
5	Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố	391.264	473.000	308.895	65,3%	78,9%
6	Ban Quản lý khu công viên lịch sử văn hóa dân tộc	364.500	366.000	274.981	75,1%	75,4%
7	Ban quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao	53.000	53.000	1.035	2,0%	2,0%
	<i>KHỐI QUẬN HUYỆN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC</i>					
1	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	1.305.226	1.303.272	527.348	40,5%	40,4%
2	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	1.690.842	1.541.634	1.423.420	92,3%	84,2%
3	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	606.096	846.424	351.487	41,5%	58,0%
4	Ủy ban nhân dân Quận 1	205.106	306.285	164.421	53,7%	80,2%
5	Ủy ban nhân dân Quận 11	132.420	281.750	95.994	34,1%	72,5%
6	Ủy ban nhân dân Quận 3	256.932	262.776	202.022	76,9%	78,6%
7	Ủy ban nhân dân Quận 4	279.758	268.850	166.112	61,8%	59,4%
8	Ủy ban nhân dân Quận 5	136.269	271.344	90.334	33,3%	66,3%
9	Ủy ban nhân dân Quận 6	160.607	155.327	109.963	70,8%	68,5%
10	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	294.753	292.583	178.449	61,0%	60,5%
11	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	711.681	711.681	572.235	80,4%	80,4%